

NÊN CÓ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH NHƯ THẾ NÀO ĐỐI VỚI *Xã hội hoá Giáo dục ở Việt Nam hiện nay?*

PGS TS Bùi Thiên Sơn - TS Bùi Tiến Hanh

Từ quá khứ ông cha ta đã nêu rõ rằng: “*Phi trí bất hưng*” với nghĩa là không có trí thức thì quốc gia không thể hưng thịnh. Điều này đến nay hầu như ai cũng đã rõ. Tuy vậy “nguồn lực” để tạo nên “nguồn trí” đó đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Nếu nguồn lực tham gia vào giáo dục và đào tạo chỉ là đơn lẻ của quốc gia (*cán bộ giáo viên được ngân sách trả lương, cơ sở vật chất cho công tác đào tạo chỉ của Nhà nước, nguồn lực và tài liệu ngoại không được xem xét lĩnh hội có phê phán...*) thì chắc chắn rằng quốc gia sẽ chậm chân trong đào tạo nguồn nhân lực cần thiết cho quá trình phát triển nhanh và bền vững. Cho nên xã hội hoá giáo dục là điều vô cùng cần thiết.

Theo cách hiểu chung, xã hội hoá giáo dục là “*Quá trình thực hiện vận động và tổ chức sử dụng các nguồn lực khác nhau của toàn xã hội và kể cả của nước ngoài vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực của đất nước, phân quyền quản lý giáo dục dưới sự chỉ đạo chung về Chiến lược của Nhà nước, mở cửa và mỗi thời kỳ lại có sự tập trung thích đáng cho cấp và ngành nghề đào tạo tùy theo mục tiêu của quốc gia*”. Học tập vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của mỗi công dân trong bối cảnh chung nên giáo dục là hoạt động dịch vụ công cộng không thuần túy, nó có thể và cần được đan xen với các mục tiêu khác một cách hợp lý. Nên giáo dục vốn có bản chất xã hội, nó tồn tại khách quan và phát triển gắn liền với nhu cầu, định hướng cũng như trình độ phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia theo thời kỳ hoặc rộng hơn là theo thời đại.

Một mặt, nhu cầu quốc gia từng thời kỳ sẽ đòi hỏi tính chất và đặc thù quá trình thực

hiện xã hội hoá giáo dục. Trong các thời đại phong kiến trước đây ở nước ta nền giáo dục chủ yếu là dân lập với vai trò các thầy đồ địa phương, có khi họ còn tạo nên cả trường phái nữa. Bên cạnh đó vẫn có giáo dục của Nhà nước quốc gia phong kiến nhưng không loại trừ trường hợp quy mô nhỏ hơn. Biểu hiện là các trường công như Quốc Tử giám và có thể có các trường địa phương nhưng chưa rõ vấn đề bảo đảm nguồn lực ra sao, cần tra cứu lại lịch sử đời xưa.

Thời đó có thể nhu cầu chưa lớn về đào tạo xét trên giác độ cho phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ, việc đào tạo chủ yếu dành cho tạo lập bộ máy quan lại địa phương và lãnh đạo quốc gia cũng như phát triển văn chương nghệ thuật.... Nhưng nước ta từ sau khi Cách mạng tháng 8 thành công năm 1945, trong điều kiện quốc gia có dân mù chữ là đa số, sự nghiệp giáo dục đã được khơi dậy đồng loạt ở mọi nơi với khẩu hiệu “Diệt dốt”. Điều này khẳng định nhu cầu đã khác đi và như vậy xã hội hoá

giáo dục ở nước ta đã thể hiện rõ rệt trong thời kỳ này và sự tập trung vào cấp thấp nhất (giáo dục xoá nạn mù chữ và tiểu học) là một cách tiếp cận rất biện chứng. Song như vậy không có nghĩa là các cấp giáo dục khác không được chú trọng. Hoặc trường hợp Đài loan, từ năm 1953, Chính phủ của Tưởng Giới Thạch đã đẩy mạnh giáo dục phổ thông và đào tạo Đại học thông qua quá trình gửi sinh viên ra nước ngoài học Đại học và Cao Đẳng một cách ráo riết, ô ạt theo một chiến lược tầm xa để đến đầu thập kỷ 80 đủ nhân lực cho hoạt động công nghệ cao của đất nước. Do vậy hiện nay Đài loan tự hào sản xuất đến 75% linh kiện máy tính của thế giới, cho nên chỉ một Khu công nghệ cao Tân trúc (Hinshu) với diện tích tương đương một huyện của Việt nam đã sản xuất gần 50 tỷ USD mỗi năm linh kiện máy tính và năm 2008 họ đang thực hiện kế hoạch biến Đài loan thành Hòn đảo Silicon xanh (Green Silicon Island). Cũng vì vậy tờ Business Week của Mỹ (tháng 5-2005) đã phải lo lắng rằng liệu thế giới chúng ta có thể sống thiếu Đài loan (?).

Lập luận dưới một góc độ khác, trong điều kiện cần phải tăng cường tự chủ tài chính cho các đơn vị cơ sở giáo dục các cấp, nhất là bậc giáo dục đại học vì nguồn lực tài chính nhà nước còn có hạn, ngành rất cần sự bố trí đúng sao cho hướng nguồn lực huy động được vào việc sớm giải quyết các vấn đề của mình phục vụ tạo ra nguồn lao động đủ số lượng và chất lượng cao (cho cả sự hội nhập đang mạnh mẽ). Dân số nước ta mỗi năm tăng từ 1,2-1,5 triệu người, nghĩa là sau vài năm và 6-7 năm sau, cần phải có đủ chỗ học tập cho khoảng hàng trên dưới 1 triệu người bước vào tuổi học từ mẫu giáo đến cấp Đại học hoặc Cao đẳng, trung cấp và học nghề. Xét dưới góc độ hiện tại, hàng năm cũng có khoảng hàng triệu thí sinh hoặc nhiều hơn tham gia dự thi vào các trường từ học nghề trở lên đến cấp học Đại học. Trừ một bộ phận tự học, xã hội khó có thể đủ khả năng cùng lúc cung cấp dịch vụ giáo dục cho số đông này khi cơ hội của Nhà nước chỉ bao quát được đến trên dưới 1 nửa số đó. Nếu phải kể cả số người cần được đào tạo lại thì có thể thấy Nhà nước không thể nào đáp ứng nổi nhu cầu đào tạo, mặc dù chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục ngày càng tăng và phần đầu đạt 20% tổng chi ngân sách hàng năm (đến 2010).

Do vậy cho đến gần đây vấn đề đang mang tính thời sự và rất có ý nghĩa thực tiễn trong việc tăng cường quản lý huy động các nguồn lực để

thúc đẩy xã hội hoá giáo dục ở Việt nam đang và nên là mối quan tâm và nỗ lực hàng đầu của nhiều cấp, nhiều ngành và cá nhân trong xã hội, kể cả mong muốn thu hút nguồn lực từ nước ngoài.

Chúng ta cần có điều kiện nhìn rõ hơn thực trạng và các giải pháp xã hội hoá giáo dục trong bối cảnh cần phải đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công của quốc gia. Mối quan tâm nêu trên cần được chú trọng vào luận giải và xử lý các vấn đề của cơ chế quản lý tài chính xã hội hoá giáo dục, tìm kiếm các giải pháp huy động, phân phối và sử dụng vốn cho đầu tư phát triển giáo dục nói chung và đặc thù; vấn đề tương quan giữa các giải pháp đó, tính đồng bộ của chúng; vị trí các giải pháp đó trong tổng thể các giải pháp hành chính và kinh tế cũng như cơ chế quản lý tài chính để giúp khắc phục nền giáo dục đang bị tụt hậu.

Từ một khía cạnh khác cần đi sâu vào nghiên cứu về cơ chế quản lý tài chính hiện hành ở các chủ thể Nhà nước, Bộ, Sở chức năng và của chính ngành giáo dục, bậc học và chính quyền địa phương, cũng như chính bản thân các trường, các đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục ... Một xu hướng cũng đáng để nghiên cứu nhằm xã hội hóa giáo dục là cấu trúc lại ngành giáo dục nước ta theo hướng sát nhập Bộ Khoa học Công nghệ với bộ phận giáo dục Đại học và Cao đẳng, dạy nghề, thành một Bộ mới; còn bộ phận quản lý giáo dục từ mẫu giáo đến hết phổ thông

trung học của cả nước sẽ giao trách nhiệm cho Bộ Giáo dục còn lại. Điều này sẽ đạt được 3 lợi ích: (i) có cơ hội gắn kết hơn nữa giáo dục-khoa học-sản xuất, có thể giảm bớt được tài trợ cấp phát từ Ngân sách Nhà nước trong điều kiện hội nhập và phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật trên thế giới; (ii) có cơ hội để bộ phận giáo dục phổ thông và mầm non, mẫu giáo được NSNN tập trung hơn về nguồn lực quản lý và cung cấp nguồn lực tài chính, góp phần khắc phục các yếu kém xuống cấp gần đây; (iii) phương hướng phát triển này phù hợp với đường lối ưu tiên phát triển khoa học công nghệ và giáo dục trong mục tiêu đẩy mạnh cách mạng KH KT của Đảng và Nhà nước ta.

Như vậy bản thân ngành khoa học công nghệ sẽ phải gánh lấy một phần trách nhiệm đối với đào tạo bậc Đại học và cao hơn, từ đó gắn kết nhanh hơn giữa nghiên cứu với thực hành và thực tế. Các rào cản hành chính liên kết cơ sở Đại học và Viện nghiên cứu hay khác sẽ có thể giảm bớt, độ trễ ứng dụng thành tựu nghiên cứu sẽ được tối thiểu hóa, mối liên kết ngang giữa các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học sẽ ít bị ảnh hưởng bởi rào cản hành chính và phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học và đào tạo...

Phác thảo trên đây có thể còn cần phải được lượng hóa các thuận lợi, hiệu quả và khó khăn. Song có cơ sở để tin rằng đó là cách xã hội hóa giáo dục và làm giảm được các căng thẳng tài chính của NSNN đối với nền giáo dục hiện nay.

(Xem tiếp trang 45)

doanh và công ty tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài. Tổ chức tín dụng nước ngoài chỉ được thành lập công ty tài chính liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài nhưng phải có tổng tài sản trên 10 tỷ USD vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn.

Trong khi ngân hàng hoạt động rộng và huy động vốn chủ yếu từ công chúng thì công ty tài chính huy động vốn chủ yếu từ nội bộ tập đoàn và nhóm công ty. Vì thế rủi ro xảy ra đối với các công ty tài chính chủ yếu là do nội bộ tập đoàn hay nhóm công ty gánh chịu, rất ít ảnh hưởng tới cộng đồng. Khi các quan hệ kinh tế trong tập đoàn là minh bạch và tuân thủ đúng pháp luật thì khả năng xảy ra rủi ro là không lớn.

Một trong những hạn chế của các công ty tài chính so

với các tổ chức ngân hàng là không được làm dịch vụ thanh toán và nhận tiền gửi dưới 1 năm. Tuy vậy, các công ty tài chính hiện nay đã khắc phục bằng việc phát triển thêm nhiều sản phẩm dịch vụ mới như là dịch vụ nhận ủy thác vốn, nhận ủy thác đầu tư, bao thanh toán, thu xếp vốn,...vv cho cả ngắn hạn, trung và dài hạn. Những dịch vụ này đã giúp công ty tài chính thực hiện được các dịch vụ khác tương tự như một ngân hàng thương mại.

Như vậy, chúng ta có thể thấy lợi ích của công ty tài chính mang lại cho các doanh nghiệp là rất lớn, không phải ngẫu nhiên mà trên thế giới các tập đoàn lớn thường có ít nhất một công ty tài chính. Công ty tài chính là công cụ để tập đoàn điều tiết vốn và sử dụng vốn một cách có hiệu quả và thuận lợi nhất. Trong phạm vi nội bộ

tập đoàn hoặc nhóm công ty có quan hệ lợi ích gắn bó, công ty tài chính có thể dễ dàng huy động các nguồn vốn nhân rộng từ các công ty thành viên để tập trung vốn đầu tư. Với tính nội bộ cao trong hoạt động nghiệp vụ, công ty tài chính có thể kiểm soát rủi ro và tập trung vốn lớn cho các dự án quan trọng trong nội bộ Tập đoàn./.

Tài liệu tham khảo:

- Luật Ngân hàng nhà nước 1997
- Luật Tổ chức tín dụng 1997
- Nghị định 79/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002

NÊN CÓ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ... (Tiếp theo trang 40)

Một điểm khác cũng rất đáng lưu ý là để giảm bớt gánh nặng tài chính Nhà nước đối với giáo dục, nên có cơ chế buộc các doanh nghiệp phải đóng góp kinh phí cho Nhà nước để chi cho giáo dục đại học nếu sử dụng sinh viên do xã hội Việt nam đào tạo ra. Lý lẽ là ở chỗ, đầu vào về lao động cho các doanh nghiệp sản xuất hay cơ sở dịch vụ hiện nay chưa được tính đủ, hầu như họ được sử dụng giá trị lao động với chi phí phải trả thấp hơn lẽ ra họ phải trả. Nước Mỹ đã có

quy chế tài chính trong việc bắt buộc các doanh nghiệp, công ty phải đóng góp tài chính vào nền giáo dục đại học của quốc gia. Họ quan niệm rằng điều này cần thiết giống như việc phải mua nguyên nhiên vật liệu năng lượng cho đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh của mình, cho nên mỗi năm Mỹ thu đến 50 tỷ USD cho giáo dục đại học từ nguồn này.... Bởi lẽ không có lý do gì từ trước đến nay Chính phủ và xã hội bỏ ra nguồn chi phí rất lớn để đào tạo nhân lực qua nhiều

năm mà không hề thu lại được gì từ phía khu vực doanh nghiệp ở khía cạnh này.

Nếu cần thiết có lẽ cần tổ chức nghiên cứu vấn đề này một cách sâu sắc hơn nữa, vì lẽ doanh nghiệp có thể lập luận rằng họ đã trả lương cho sinh viên đến làm việc tại doanh nghiệp và đã nộp thuế cho Nhà nước. Nhưng thử hỏi, lương như vậy đã thoả đáng chưa trong điều kiện khu vực doanh nghiệp đã liên tục và đang được giảm thuế các loại ở các thời kỳ khác nhau và theo lộ trình hội nhập ?./.